

Chuyên đề 2

PHÁP LUẬT, PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. PHÁP LUẬT VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ XÃ HỘI

1. Khái niệm pháp luật

Trong xã hội cần có một trật tự nhất định và sự điều chỉnh nhất định đối với các quan hệ xã hội - quan hệ giữa người với người trên các lĩnh vực.

Các quy phạm xã hội ở nước ta hiện nay rất đa dạng bao gồm: các quy phạm chính trị do các cơ quan, tổ chức của Đảng ban hành; các quy phạm do các tổ chức chính trị - xã hội ban hành; các quy phạm đạo đức, phong tục, tôn giáo và pháp luật. Trong các quy phạm đó, pháp luật là những quy tắc xử sự chung nhất, phổ biến nhất để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Theo cách hiểu chung nhất, pháp luật là hệ thống các quy phạm (quy tắc hành vi hay quy tắc xử sự) có tính chất bắt buộc chung và được thực hiện lâu dài nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí của Nhà nước và được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp tổ chức, giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế bởi bộ máy Nhà nước. Pháp luật là cơ sở pháp lý cho tổ chức, hoạt động của đời sống xã hội và Nhà nước, là công cụ để Nhà nước thực hiện quyền lực của mình.

Như bản chất của Nhà nước, pháp luật mang bản chất giai cấp và xã hội. Ý chí của giai cấp thống trị được Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật và nhờ có pháp luật ý chí của giai cấp thống trị trở thành ý chí của Nhà nước.

Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân nên pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức và những người lao động khác trong xã hội. Pháp luật thể hiện và bảo vệ lợi ích của số đông nhân dân trong xã hội. Thông qua pháp luật, ý chí của nhân dân trở thành ý chí của Nhà nước.

Pháp luật không chỉ mang tính giai cấp và tính xã hội mà pháp luật còn phản ánh hiện thực xã hội và các quy luật khách quan của đời sống xã hội.

Pháp luật có các đặc điểm sau:

- Pháp luật mang tính quy phạm phổ biến;
- Pháp luật được thể hiện dưới hình thức xác định;
- Pháp luật có tính cưỡng chế;
- Pháp luật được Nhà nước bảo đảm thực hiện.

2. Chức năng của pháp luật

Pháp luật có ba chức năng chủ yếu: chức năng điều chỉnh; chức năng bảo vệ; chức năng giáo dục.

- Chức năng điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội được thể hiện theo hai hướng chính: một mặt pháp luật ghi nhận các quan hệ cơ bản, quan trọng và phổ biến trong xã hội; mặt khác pháp luật bảo đảm cho các quan hệ xã hội đó phát triển phù hợp với lợi ích của giai cấp và lợi ích của xã hội. Chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội của pháp luật được thực hiện thông qua các hình thức: quy định, cho phép, ngăn cấm, quy định quyền và nghĩa vụ giữa các chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật. Nhờ có pháp luật mà các quan hệ xã hội được trật tự hóa, đi vào nề nếp.

- Chức năng bảo vệ các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh. Khi có hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế ghi trong phần chế tài của quy phạm pháp luật để phục hồi lại quan hệ xã hội đã bị xâm phạm.

- Chức năng giáo dục của pháp luật được thực hiện thông qua sự tác động của pháp luật vào ý thức con người, làm cho mỗi người hình thành ý thức pháp luật và hành động phù hợp với cách xử sự ghi trong các quy phạm pháp luật. Cách cư xử ghi trong các quy phạm pháp luật là cách xử sự phổ biến đã được lựa chọn phù hợp với đạo đức của xã hội. Vì vậy, việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật có tác động tới ý thức của mọi người làm cho mỗi người nhận thức được họ cần phải xử sự như thế nào trong những hoàn cảnh, điều kiện, tình huống mà pháp luật đã quy định và nếu vi phạm thì họ phải chịu những hậu quả bất lợi về vật chất, tinh thần như thế nào. Nhờ đó mà con người hướng tới những hành vi, cách cư xử phù hợp với đạo đức và pháp luật.

3. Vai trò của pháp luật trong quản lý nhà nước và quản lý xã hội

a) Vai trò của pháp luật đối với kinh tế

Trong mối quan hệ với kinh tế, vai trò của pháp luật thể hiện ở chỗ pháp luật quy định về mặt pháp lý các quan hệ sản xuất và các quan hệ đó trở thành các quan hệ pháp luật tạo nên trật tự pháp luật về kinh tế cho một nhà nước. Ở nước ta, với nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, pháp luật tồn tại trước hết vì kinh tế, sinh ra trực tiếp từ những đòi hỏi khách quan của nền kinh tế, trong mối quan hệ không tách rời với các đòi hỏi và nhu cầu của kinh tế, trở thành công cụ trong quản lý nhà nước về kinh tế. Pháp luật tạo hành lang pháp lý để cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tự do, bình đẳng trong sản xuất kinh doanh, đồng thời Nhà nước là chủ thể quản lý cũng dựa vào chuẩn mực đó mà điều chỉnh các quan hệ kinh tế. Các quan hệ kinh tế thị trường rất đa dạng, phong phú và phức tạp, do đó cần phải hướng chúng phát triển theo định hướng xã hội nhất định. Điều đó làm nảy sinh nhu cầu điều chỉnh của pháp luật để loại bỏ những yếu tố tùy tiện, ngăn ngừa rối loạn, khủng hoảng, thiết lập trật tự ổn định trong các quan hệ kinh tế. Bằng sự điều chỉnh của pháp luật mà tạo ra môi trường thuận lợi, tin cậy cho sự tồn tại và phát triển của các quan hệ kinh tế.

b) Vai trò của pháp luật đối với xã hội

Là phương tiện điều chỉnh các quan hệ xã hội, pháp luật là một trong những yếu tố bảo đảm và bảo vệ sự ổn định của các quan hệ xã hội. Một mặt, pháp luật ghi nhận và thể chế hóa các quyền tự do và lợi ích hợp pháp của công dân và bảo đảm cho các quyền, lợi ích hợp pháp đó được thực hiện. Mặt khác, pháp luật ghi nhận một cách chính thức các giá trị mà con người cần có, hướng tới các giá trị nhân văn vì con người. Căn cứ vào các quy phạm pháp luật, mọi thành viên trong xã hội có điều kiện bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đấu tranh chống lại các biểu hiện tiêu cực, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Pháp luật còn là công cụ bảo đảm sự an toàn tính mạng, tài sản, danh sự và nhân phẩm của các thành viên trong xã hội. Vì vậy, pháp luật là công cụ cần thiết không thể thiếu bảo đảm cho sự tồn tại ổn định và phát triển của xã hội, đặc biệt trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

c) Vai trò của pháp luật đối với hệ thống chính trị

- Đối với Đảng, pháp luật là phương tiện để thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng làm cho đường lối, chủ trương, chính sách đó có hiệu lực chung trên phạm vi toàn xã hội. Đồng thời pháp luật là phương tiện để Đảng kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của mình trong thực tiễn.

- Đối với Nhà nước, pháp luật là phương tiện, cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, là sự ghi nhận về mặt pháp lý trách nhiệm, nghĩa vụ của Nhà nước đối với xã hội và công dân, là phương tiện để Nhà nước quản lý có hiệu lực, hiệu quả các lĩnh vực của đời sống xã hội: hành chính, chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội...

- Đối với các tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận), pháp luật là phương tiện đảm bảo cho Mặt trận và thành viên của các tổ chức đó tham gia vào quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. Pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm tra, giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc chấp hành pháp luật của các cơ quan nhà nước, các cán bộ, công chức. Pháp luật còn là cơ sở pháp lý để hình thành các mối quan hệ phối hợp giữa các tổ chức chính trị - xã hội với các cơ quan nhà nước.

d) Vai trò của pháp luật đối với đạo đức

Pháp luật xã hội chủ nghĩa có vai trò quan trọng; cùng với quan điểm, tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân là cơ sở của việc hình thành đạo đức xã hội chủ nghĩa. Các nguyên tắc căn bản của đạo đức xã hội được thể chế hóa thành các quy phạm pháp luật. Do vậy, pháp luật xã hội chủ nghĩa bảo vệ và phát triển văn hóa, đạo đức xã hội chủ nghĩa, đảm bảo sự công bằng xã hội và các quyền lợi hợp pháp của con người.

4. Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

a) Luật Hiến pháp

Luật Hiến pháp là tổng hợp các quy phạm pháp luật cơ bản, điều chỉnh các quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quan hệ giữa Nhà nước với công dân, quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước. Luật Hiến pháp là tổng hợp các quy phạm

pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản xuất hiện trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước và mối liên hệ giữa quyền lực nhà nước với xã hội dân sự.

Những văn bản quy phạm pháp luật quan trọng nhất thuộc ngành luật này là: Hiến pháp Việt Nam năm 1992; Luật Tổ chức Quốc hội; Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Luật Tổ chức Tòa án nhân dân; Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân...

b) Luật Hành chính

Luật Hành chính là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ hình thành trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

Các quy phạm của Luật Hành chính có trong Hiến pháp, các luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm dưới luật. Chúng quy định vị trí pháp lý, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước, quy định quyền tham gia quản lý nhà nước của các tổ chức xã hội và của công dân, về hình thức và phương pháp hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, quy định về thủ tục và bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quản lý nhà nước.

Những văn bản quy phạm pháp luật cơ bản nhất thuộc ngành luật này là: Hiến pháp Việt Nam năm 1992; Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo; Luật Cán bộ, công chức; Luật Xử lý vi phạm hành chính...

c) Luật Dân sự

Luật Dân sự là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản và nhân thân trong đời sống dân sự; quan hệ sở hữu, quan hệ nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự, quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng dân sự, quan hệ thừa kế, quan hệ nhân thân: danh dự, nhân phẩm, quyền sở hữu trí tuệ...

Văn bản quan trọng nhất của ngành luật này là Bộ Luật Dân sự được Quốc hội thông qua năm 2005.

d) Luật Hình sự

Luật Hình sự là tổng thể các quy phạm pháp luật quy định về tội phạm và hình phạt, mức hình phạt cụ thể tương ứng với từng hành vi phạm tội.

Đối tượng điều chỉnh của Luật Hình sự là quan hệ giữa Nhà nước và người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là tội phạm.

Văn bản quan trọng nhất của ngành luật này là Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009.

e) Luật Hôn nhân và gia đình

Luật Hôn nhân và gia đình là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ hôn nhân và gia đình. Đó là các quy phạm điều chỉnh các điều kiện, thủ tục kết hôn, ly hôn, nhận con nuôi, các quan hệ thân thân và quan hệ tài sản, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, bố mẹ và con trong kết hôn và ly hôn...

Luật Hôn nhân và gia đình nhằm mục đích bảo đảm hôn nhân tự do, tiến bộ, một vợ, một chồng, bình đẳng nam nữ, xây dựng hạnh phúc gia đình vì lợi ích của bà mẹ và trẻ em. Nội dung cơ bản của ngành luật này được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình.

f) Luật Đất đai

Luật Đất đai là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội hình thành trong việc quản lý và sử dụng đất đai. Nhà nước thống nhất quản lý đất đai; xây dựng và quyết định quy hoạch sử dụng đất; thực hiện quyền giao đất, thu hồi đất trên cơ sở nhu cầu và quy hoạch, kế hoạch đã có hiệu lực. Người sử dụng đất chỉ được giao quyền sử dụng theo đúng quy định của Nhà nước.

g) Luật Lao động

Luật Lao động là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động thông qua hợp đồng lao động và các quan hệ xã hội có liên quan trực tiếp với quan hệ lao động.

Các quan hệ xã hội rất đa dạng nên nội dung của Luật lao động rất phong phú, bao gồm: hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, việc làm, học nghề, thời gian lao động và nghỉ ngơi, trách nhiệm và kỷ luật lao động; quy định về lao động chưa thành niên và một số loại lao động khác, bảo hiểm xã hội, quyền và nghĩa vụ của công đoàn, giải quyết tranh chấp lao động, quản lý về lao động, xử phạt vi phạm pháp luật lao động.

h) Luật Thương mại

Luật Thương mại là tổng thể các quy phạm pháp luật làm cơ sở pháp lý về tổ chức và hoạt động của các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động thương mại

Luật Thương mại đề cập đến nhưng nguyên tắc trong hoạt động thương mại, có kể đến thương nhân nước ngoài hoạt động thương mại tại Việt Nam: hoạt động cung ứng hàng hóa, dịch vụ, xúc tiến thương mại (Khuyến mại, quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ, hội chợ, triển lãm), các hoạt động trung gian thương mại...

i) Luật Quốc tế

Ngoài những ngành luật của hệ thống pháp luật của Nhà nước ta, còn một bộ phận pháp luật quốc tế có vị trí hết sức quan trọng. Luật Quốc tế gồm Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế.

Công pháp quốc tế là những nguyên tắc, chế định, quy định, quy phạm được các Nhà nước ban hành hoặc công nhận. Công pháp quốc tế điều chỉnh những quan hệ giữa các quốc gia, tổ chức quốc tế liên Chính phủ trong lĩnh vực điều ước quốc tế, ngoại giao và lãnh sự, biên và đại dương, lãnh thổ quốc gia, ngăn ngừa và loại trừ vũ trang trong trường hợp có xung đột vũ trang; hợp tác quốc tế của các quốc gia.

Tư pháp quốc tế là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản và nhân thân trong lĩnh vực dân sự, kinh tế, hôn nhân và gia đình, lao động, tổ tụng dân sự có yếu tố nước ngoài. Đó là quan hệ về nghĩa vụ theo hợp đồng dân sự quốc tế, về quyền tác giả, phát minh, sáng chế có nhân tố quốc tế, về lao động quốc tế và về tổ tụng dân sự quốc tế.

II. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1. Khái niệm thực hiện pháp luật

Khi xây dựng pháp luật, Nhà nước ta mong muốn sử dụng chúng để điều chỉnh các quan hệ xã hội, phục vụ lợi ích của nhân dân lao động. Mục đích đó chỉ đạt được khi các chủ thể thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật trong đời sống thực tế.

Thực hiện đúng đắn và nghiêm chỉnh pháp luật là một yêu cầu khách quan của quản lý nhà nước. Xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật là hai hoạt động có liên quan chặt chẽ với nhau.

Tất cả những hành vi, xử sự được tiến hành phù hợp với các yêu cầu của pháp luật đều được coi là việc chấp hành pháp luật. Đó là những hành vi, xử sự

của các cá nhân, tổ chức phù hợp với các quy định của pháp luật, có ích cho xã hội, Nhà nước và cá nhân.

2. Các hình thức thực hiện pháp luật

Căn cứ vào tính chất hoạt động thực hiện pháp luật, khoa học pháp lý đã chia ra các hình thức thực hiện pháp luật sau: tuân thủ pháp luật, chấp hành pháp luật, sử dụng pháp luật, áp dụng pháp luật. Việc phân chia thực hiện pháp luật thành các hình thức nêu trên có tính tương đối vì trong hình thức này lại chứa đựng cả những yếu tố của hình thức khác.

- Tuân thủ pháp luật là việc thực hiện pháp luật mà các cá nhân, cơ quan, tổ chức kiểm chế không thực hiện các hoạt động mà pháp luật ngăn cấm. Ở hình thức này chỉ đòi hỏi mỗi người tự kiểm chế mình, không thực hiện những hành vi mà pháp luật ngăn cấm. Chủ thể tuân thủ pháp luật là các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân, cán bộ, công chức và mọi công dân.

- Chấp hành pháp luật là việc thực hiện pháp luật, trong đó các cá nhân, cơ quan, tổ chức thực hiện nghĩa vụ của mình bằng các hành động tích cực.

Hình thức chấp hành pháp luật đòi hỏi phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý một cách chủ động, tích cực. Ví dụ, một thanh niên trong hạn tuổi làm nghĩa vụ quân sự đã đăng ký và thực hiện nghĩa vụ quân sự, tức là thanh niên đó đã chấp hành pháp luật.

- Sử dụng pháp luật là việc thực hiện pháp luật, trong đó các cá nhân, cơ quan, tổ chức thực hiện quyền chủ thể của mình mà pháp luật cho phép. Ví dụ, một công dân gửi đơn khiếu nại lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tức là anh ta đã sử dụng pháp luật.

Nếu như trong hình thức thứ nhất và hình thức thứ hai, thể hiện nghĩa vụ phải thực hiện các quy phạm một cách "thụ động" hay "tích cực" thì trong hình thức thứ ba này chỉ thực hiện các quyền mà pháp luật cho phép.

Hình thức này khác các hình thức trên ở chỗ chủ thể pháp luật có thể thực hiện hoặc không thực hiện các quyền chủ thể của mình được pháp luật quy định theo ý chí của mình, mà không buộc phải thực hiện.

- Áp dụng pháp luật. Nếu như các hình thức tuân thủ, chấp hành và sử dụng pháp luật là những hình thức thực hiện pháp luật mà mọi chủ thể pháp luật

đều có thể thực hiện thì áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật chỉ do các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền thực hiện. Áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật luôn gắn với công quyền.

3. Áp dụng pháp luật và đặc điểm việc áp dụng pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước

Áp dụng pháp luật là một hoạt động có tổ chức, mang tính quyền lực nhà nước của các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền nhằm thực hiện trong thực tế các quy phạm pháp luật trong những tình huống cụ thể của cuộc sống.

a) Áp dụng pháp luật được tiến hành trong các trường hợp sau:

- Khi cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với những cá nhân, tổ chức, cơ quan vi phạm pháp luật hoặc trong những trường hợp khẩn cấp.

- Khi những quyền chủ thể và những nghĩa vụ pháp lý cụ thể của các chủ thể pháp luật không mặc nhiên phát sinh nếu không có sự can thiệp của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

- Khi phát sinh tranh chấp về quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên tham gia quan hệ pháp luật mà các bên đó không tự giải quyết được.

- Trong một số quan hệ pháp luật mà Nhà nước thấy cần phải tham gia để kiểm tra, giám sát, thanh tra hoạt động của các bên tham gia quan hệ đó hoặc Nhà nước xác nhận sự tồn tại hay không tồn tại của một số sự việc, sự kiện thực tế. Ví dụ, việc xác nhận di chúc, chứng thực thể chấp, sao các văn bằng, chứng chỉ...

b) Áp dụng pháp luật có các đặc điểm sau:

- *Thứ nhất*, áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính tổ chức - quyền lực nhà nước. Vì vậy, hoạt động này chỉ do những cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiến hành. Pháp luật quy định mỗi loại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện một số hoạt động áp dụng pháp luật nhất định. Hoạt động áp dụng pháp luật được tiến hành theo ý chí đơn phương của Nhà nước, người có thẩm quyền, không phụ thuộc vào ý chí của chủ thể bị áp dụng; sự áp dụng này có tính chất bắt buộc đối với chủ thể bị áp dụng và các chủ thể có liên quan; trong trường hợp cần thiết, quyết định áp dụng pháp luật được bảo đảm thực hiện bởi các biện pháp cưỡng chế nhà nước.

- *Thứ hai*, áp dụng pháp luật là hoạt động được thực hiện theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định chặt chẽ. Ví dụ, việc giải quyết một vụ án hành chính được điều chỉnh bởi Luật Tố tụng hành chính hoặc việc xử phạt hành chính được điều chỉnh bởi những quy phạm thủ tục xử phạt hành chính. Các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền và các bên có liên quan trong quá trình áp dụng pháp luật phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định có tính thủ tục.

- *Thứ ba*, áp dụng pháp luật là hoạt động điều chỉnh cá biệt, cụ thể đối với các quan hệ xã hội. Đối tượng của hoạt động áp dụng là những quan hệ xã hội cần sự điều chỉnh cá biệt, bổ sung trên cơ sở những quy phạm pháp luật chung. Bằng hoạt động áp dụng pháp luật, những quy phạm pháp luật chung được cá biệt hóa, cụ thể hóa đối với những cá nhân, cơ quan, tổ chức cụ thể.

- *Thứ tư*, áp dụng pháp luật là hoạt động có tính sáng tạo. Khi áp dụng pháp luật, các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phải phân tích vụ việc, làm sáng tỏ nội dung của vụ việc, từ đó lựa chọn quy phạm, ra văn bản áp dụng pháp luật và tổ chức thi hành.

Tóm lại, áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính tổ chức, quyền lực của Nhà nước được thực hiện thông qua những cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nhằm cá biệt hóa những quy định của pháp luật vào những trường hợp cụ thể đối với cá nhân, cơ quan nhà nước, tổ chức cụ thể.

III. PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Khái niệm về pháp chế xã hội chủ nghĩa

Pháp chế là một thuật ngữ quen thuộc trong xã hội ta. Nhưng pháp chế là gì, bản chất của nó ra sao, điều này đòi hỏi phải lý giải một cách cụ thể và chính xác, do đó cần phải đi sâu tìm hiểu bản chất của khái niệm này.

Điều 12 của Hiến pháp 1992 quy định: “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”. Điều 12 Hiến pháp 1992 còn ghi: “các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật”. Như vậy, pháp chế đòi hỏi, tất cả các cơ quan, tổ chức, công

dân đều phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật; kiên quyết đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật. Ở đây, pháp chế là nguyên tắc cơ bản, thông qua đó Nhà nước thực hiện sự quản lý bằng pháp luật đối với xã hội.

Pháp chế xã hội chủ nghĩa có quan hệ chặt chẽ với dân chủ, như là một bộ phận hợp thành của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa sẽ không có ý nghĩa, nếu như nó mất đi tính kỷ luật và ý thức pháp luật của các tổ chức, cá nhân. Dân chủ và pháp chế không tồn tại một cách biệt lập. Quyền tự do, dân chủ của con người được ghi trong Hiến pháp và trong các đạo luật thể hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đồng thời thông qua việc bảo đảm pháp chế mà các quyền tự do, dân chủ của công dân được thực hiện.

Pháp luật và pháp chế có quan hệ mật thiết với nhau. Để xây dựng và củng cố pháp chế xã hội chủ nghĩa phải có pháp luật. Vì vậy, cần phải xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, thống nhất để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Việc tồn tại một hệ thống pháp luật đầy đủ, thống nhất tự thân nó chưa củng cố được pháp chế xã hội chủ nghĩa. Bản thân pháp luật không đồng nghĩa với pháp chế. Trong lịch sử đã từng tồn tại những nhà nước có một hệ thống pháp luật đầy đủ nhưng lại không có pháp chế vì nội dung của pháp luật không phù hợp với văn hóa dân tộc, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, không được mọi người ủng hộ, không được thực hiện một cách nghiêm chỉnh, công bằng.

Từ những vấn đề trên có thể định nghĩa, pháp chế xã hội chủ nghĩa là chế độ pháp luật, trong đó yêu cầu, đòi hỏi các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải tuân thủ, chấp hành, sử dụng, áp dụng, thực hiện đúng đắn, nghiêm chỉnh pháp luật trong mọi hoạt động, hành vi, xử sự của mình; đồng thời phải không ngừng đấu tranh phòng ngừa, chống các tội phạm và các vi phạm pháp luật khác, xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật.

2. Các yêu cầu của pháp chế xã hội chủ nghĩa

Pháp chế xã hội chủ nghĩa cần đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm tính thống nhất của việc xây dựng, ban hành và thực hiện pháp luật

Pháp luật phải được nhận thức và thực hiện thống nhất trong cả nước và ở tất cả các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị. Nội dung yêu cầu này thể hiện ở hai khía cạnh:

Một là, trong hệ thống văn bản pháp luật thì Hiến pháp và luật là những văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất. Các văn bản quy phạm pháp luật phải được ban hành dựa trên Hiến pháp và các luật. Sự thống nhất của pháp chế được bảo đảm bằng hiệu lực tối cao của Hiến pháp và luật so với các văn bản dưới luật. Các văn bản dưới luật phải phù hợp với Hiến pháp và luật. Văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước ở địa phương phải phù hợp, không mâu thuẫn với các văn bản pháp luật do các cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành.

Hai là, các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải chấp hành Hiến pháp và pháp luật một cách nghiêm minh, thường xuyên, liên tục.

b) Bảo đảm quyền con người và lợi ích hợp pháp của công dân

Quyền và lợi ích hợp pháp của công dân được Hiến pháp quy định và cụ thể hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật, được các cơ quan nhà nước bảo đảm và bảo vệ.

c) Ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật

Bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào cũng đều xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, xã hội và công dân. Bởi vậy, các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phải ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm minh đối với những hành vi vi phạm đó. Trong xử lý các hành vi vi phạm pháp luật phải thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, không phân biệt đối tượng vi phạm pháp luật là ai, địa vị xã hội như thế nào; xử lý đúng pháp luật, đúng người, đúng tội theo quy định của pháp luật.

3. Các biện pháp tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quản lý nhà nước

a) Đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật

Pháp luật xã hội chủ nghĩa là tiền đề của pháp chế xã hội chủ nghĩa, muốn tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và quản lý xã hội bằng pháp luật phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ cả về nội dung và hình thức. Phải đẩy mạnh hơn nữa công tác hệ thống hóa pháp luật, rà soát, loại bỏ những văn bản quy phạm pháp luật không còn thích hợp với thực tế cuộc sống, đồng thời chú trọng ban hành các đạo luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Việc xây dựng pháp luật phải theo đúng thẩm quyền đã được quy định trong Hiến pháp, trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời phải mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia vào quá trình thảo luận xây dựng pháp luật.

b) Tổ chức tốt công tác thực hiện pháp luật

Tổ chức thực hiện pháp luật có liên quan đến mọi chủ thể pháp luật, là khâu trung tâm, quan trọng nhất của công tác tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

- Để mọi người thực hiện tốt pháp luật, trước hết phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, giải thích pháp luật, nhằm hình thành và nâng cao ý thức pháp luật cho mọi thành viên trong xã hội. Ý thức pháp luật là tiền đề trực tiếp nhất cho việc xây dựng và thực hiện pháp luật.

- Bảo đảm nguyên tắc tuân thủ pháp luật trong áp dụng pháp luật. Áp dụng pháp luật phải bảo đảm mọi công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm còn Nhà nước chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật

Kiểm tra, giám sát là trách nhiệm chung của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và mọi công dân, nhưng trực tiếp là các cơ quan quyền lực nhà nước, các cơ quan kiểm tra, thanh tra nhà nước; Thanh tra nhân dân, giám sát của Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân. Cần phải kiện toàn tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của các cơ quan trên nhằm phát huy vai trò của chúng trong việc củng cố, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật phải đặc biệt coi trọng quyền khiếu nại, tố cáo của công dân và các cơ quan, tổ chức đối với những hành vi vi phạm pháp luật.

d) Kiện toàn các cơ quan quản lý nhà nước và tư pháp

Kiện toàn các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan tư pháp gọn nhẹ với một đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo, quản lý. Cán bộ, công chức quản lý hành chính nhà nước và cán bộ tư pháp phải là những người nắm vững pháp luật, quản lý nhà nước theo đúng pháp luật; cương quyết đấu tranh chống mọi hành vi tham nhũng, cửa quyền, vi phạm pháp luật nhằm bảo vệ pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa.

e) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các cấp bộ Đảng, cơ quan của Đảng từ Trung ương tới địa phương phải thường xuyên lãnh đạo công tác pháp chế, tăng cường cán bộ có phẩm chất và năng lực cho lĩnh vực pháp chế và kiểm tra chặt chẽ hoạt động thực hiện pháp luật của tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức, đặc biệt là những cơ quan chuyên trách bảo vệ pháp luật.

Mọi cơ quan, tổ chức, đảng viên của Đảng phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, thực hiện đúng pháp luật, không can thiệp, làm thay thẩm quyền của các cơ quan, công chức nhà nước, phải gương mẫu, kiên quyết chống mọi biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, mọi hành vi vi phạm pháp luật.

4. Vai trò của công chức trong việc tăng cường củng cố pháp chế xã hội chủ nghĩa

Công chức nhà nước có vai trò rất quan trọng trong việc tăng cường củng cố pháp chế xã hội chủ nghĩa. Vai trò này được thể hiện ở các nội dung chủ yếu sau:

- Công chức nhà nước là những người trực tiếp tổ chức thực hiện pháp luật, là khâu quan trọng nhất của việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Công chức là người tuyên truyền, giáo dục, giải thích pháp luật, phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong việc củng cố pháp chế xã hội chủ nghĩa.

- Công chức là người áp dụng pháp luật, trực tiếp giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đối với các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm các văn bản pháp luật được thực hiện một cách nghiêm minh.

- Công chức là những người nắm vững pháp luật, quản lý nhà nước theo pháp luật, cương quyết đấu tranh chống mọi hành vi vi phạm pháp luật nhằm bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Anh/Chị hãy trình bày chức năng, vai trò của pháp luật trong quản lý nhà nước và xã hội?

2. Anh/Chị hãy trình bày các hình thức thực hiện pháp luật? Phân tích hình thức áp dụng pháp luật và đặc điểm áp dụng pháp luật trong các cơ quan hành chính nhà nước ở nước ta hiện nay?

3. Anh/Chị hãy trình bày các yêu cầu của pháp chế xã hội chủ nghĩa? Theo anh/chị yêu cầu nào là yêu cầu quan trọng nhất?

4. Anh/Chị hãy nêu các biện pháp tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quản lý nhà nước? Để tăng cường pháp chế ở ngành/địa phương nơi anh/chị đang công tác cần phải làm gì?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001).
2. Học viện Hành chính. Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội 2011.
3. Học viện Hành chính. Luật Hành chính và Tài phán hành chính. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội 2011.